

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ TUYẾT

**THI HÀNH PHÁP LUẬT QUẢN LÝ RÁC THẢI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC**

Chuyên ngành: Luật kinh tế
Mã số: 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS NGUYỄN QUANG TUYẾN

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ.....', ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU..... 1

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT

QUẢN LÝ RÁC THẢI..... 7

1.1. Một số khái niệm 7

1.1.1. Khái niệm chất thải 7

1.1.2. Khái niệm rác thải 13

1.1.3. Khái niệm quản lý rác thải 15

1.1.4. Khái niệm pháp luật quản lý rác thải..... 16

1.1.5. Khái niệm thi hành pháp luật về quản lý rác thải..... 17

1.2. Pháp luật quản lý rác thải và vai trò của pháp luật về quản lý rác thải 18

1.2.1. Các nguyên tắc đặc thù về pháp luật quản lý rác thải 18

1.2.2. Nội dung của pháp luật về quản lý rác thải 20

1.2.3. Vai trò của pháp luật về quản lý rác thải..... 21

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 25

Chương 2: THỰC TRẠNG THI HÀNH PHÁP LUẬT

QUẢN LÝ RÁC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC 26

2.1. Giới thiệu khái quát tỉnh Vĩnh Phúc 26

2.1.1. Điều kiện tự nhiên..... 26

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội..... 31

2.2.	Pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và thực tiễn thi hành	36
2.2.1.	Khái quát các quy định pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	36
2.2.2.	Nội dung các quy định của pháp luật quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	39
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	62
	Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ RÁC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC	63
3.1.	Định hướng nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	63
3.2.	Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	65
3.2.1.	Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	65
3.2.2.	Giải pháp hoàn thiện quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc quản lý rác thải.....	67
3.2.3.	Tiếp thu kinh nghiệm pháp luật của một số nước trên thế giới	68
3.2.4.	Các giải pháp khác	73
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	78
	KẾT LUẬN	79
	TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau gần 20 năm kể từ sau khi được tái lập (năm 1997), tỉnh Vĩnh Phúc đã và đang không ngừng phát triển trở thành một trong những tỉnh kinh tế trọng điểm của khu vực kinh tế phía Bắc của cả nước.

Hiện nay, Vĩnh Phúc đã xây dựng được 10 khu và cụm công nghiệp. Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 thì phát triển công nghiệp là nền tảng; du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phấn đấu đưa Vĩnh Phúc trở thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020. Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đã đạt được, tỉnh Vĩnh Phúc đã, đang và sẽ phải đối mặt với nguy cơ suy thoái môi trường do công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện đang gặp nhiều khó khăn. Điển hình tại thành phố Vĩnh Yên và thị xã Phúc Yên là hai đô thị lớn của tỉnh, mỗi ngày có trên 300 tấn rác thải nhưng vẫn phải mang đi đổ tạm, việc xử lý chất thải ở hai đô thị này cũng chưa thực hiện tốt khiến cho người dân địa bàn lân cận các bãi rác mang tính tạm bợ này cảm thấy bất an. Vì vậy, cần có hành lang pháp lý chặt chẽ để cá nhân, tổ chức thực hiện việc quản lý rác thải có hiệu quả, cũng như cần đánh giá đúng thực trạng và đưa ra những giải pháp cần thiết để cải thiện môi trường trong tỉnh. Với những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài: *“Thi hành pháp luật quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”* để làm luận văn thạc sỹ luật học của mình, với mong muốn góp phần hoàn thiện những quy định về quản

lý rác thải, từ đó nâng cao công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng và cả nước nói chung.

2. Tình hình nghiên cứu

Quản lý và thi hành pháp luật về quản lý rác thải hay chất thải nói chung là một vấn đề mang tính cấp thiết được rất nhiều các nhà khoa học nghiên cứu và tìm hiểu. Trong đó có thể kể tới các cuốn sách, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ về quản lý chất thải như: Ts. Nguyễn Văn Phương, *“Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững”*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2008. Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Văn Phương, *Pháp luật môi trường Việt Nam về nhập khẩu phế liệu năm 2007*; *Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại* của tác giả Vũ Thị Duyên Thùy năm 2009... Luận văn Thạc sĩ Luật học của Nguyễn Hòa Bình, *Điều tra, đánh giá tình hình quản lý chất thải rắn nguy hại của Việt Nam và đề xuất một số giải pháp quản lý có hiệu quả* năm 2004; *Pháp luật về quản lý chất thải rắn thông thường tại Việt Nam* của tác giả Lưu Việt Hùng năm 2009; *Pháp luật về phí môi trường đối với chất thải rắn ở Việt Nam* của tác giả Bùi Đức Nhật năm 2011; *Hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải nguy hại ở Việt Nam hiện nay* của tác giả Nguyễn Mạnh Thắng năm 2014... Bên cạnh các công trình kể trên còn có rất nhiều các bài viết, bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Có thể kể đến một số bài viết như: Lê Kim Nguyệt, *Một cơ chế phù hợp cho quản lý chất thải nguy hại ở Việt Nam* đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tháng 11 năm 2002; TS. Nguyễn Văn Phương, *Chất thải và quy định quản lý chất thải*, được đăng trên Tạp chí Luật học số 4

năm 2003; TS. Nguyễn Văn Phương, *Một số vấn đề về khái niệm chất thải*, được đăng trên Tạp chí Luật học số 10 năm 2006...

Các công trình kể trên đã đưa ra những vấn đề lý luận và thực tiễn hết sức quan trọng đối với công tác quản lý chất thải trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, vấn đề quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay vẫn chưa có tác giả nào đưa ra các đánh giá cụ thể, chi tiết và toàn diện. Bởi vậy, tác giả lựa chọn đề tài “Thi hành pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc” để nghiên cứu nhằm khóa lấp khoảng trống nghiên cứu nêu trên.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của Luận văn là nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở các quy định của Luật BVMT và các văn bản pháp lý liên quan.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Phân tích, giải mã một số vấn đề lý luận về rác thải, quản lý rác thải và pháp luật về quản lý rác thải.
- Đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý rác thải;
- Làm rõ, phân tích thực trạng thực pháp luật và việc thi hành pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đưa ra những số liệu, vụ việc thực tế để minh chứng cho công tác thi hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý rác thải.
- Đề xuất một số kiến nghị để nâng cao hiệu quả thực thi các quy định pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là các quy định của pháp luật về quản lý rác thải và việc thi hành pháp luật quản lý rác thải tại tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể là Luật BVMT 2014 đặt trong mối quan hệ so sánh với Luật BVMT 2005 và các văn bản pháp lý liên quan.

Về nhiệm vụ nghiên cứu, Luận văn tập trung phân tích, xây dựng các khái niệm rác thải trong mối tương quan với khái niệm chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật BVMT năm 2014. Từ đó, làm rõ việc thi hành pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư, khu công nghiệp, bệnh viện, trường học... trên phạm vi địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp biện chứng duy vật và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp tổng hợp, thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp quan sát... Bên cạnh đó, để giải quyết vấn đề nghiên cứu, người viết còn sử dụng phương pháp logic tại Chương 1; phương pháp liên hệ thực tế, thống kê và so sánh để phân tích nội dung ở Chương 2; phương pháp so sánh, phân tích, đánh giá thực tế để làm rõ phương hướng triển khai hiệu quả các quy định của pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc tại Chương 3.

6. Những kết quả nghiên cứu mới của Luận văn

- Luận văn nghiên cứu và làm rõ một số khái niệm mới như khái niệm “rác thải”, “Pháp luật về quản lý rác thải” và đánh giá vai trò của pháp luật về quản lý rác thải đối với công tác bảo vệ môi trường

- Phân tích, làm rõ các quy định của Luật BVMT năm 2014 về việc quản lý chất thải và rác thải. Đưa ra các số liệu thống kê thực tế để đánh giá hiệu quả thi hành các quy định pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các quy định của pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Kết cấu của Luận văn

Ngoài Phần mục lục, mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được chia thành 3 chương:

- *Chương 1.* Một số vấn đề lý luận về pháp luật quản lý rác thải
- *Chương 2.* Thực trạng thi hành pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
- *Chương 3.* Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT QUẢN LÝ RÁC THẢI

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm chất thải

Thứ nhất, dưới góc độ ngôn ngữ, theo Từ điển Tiếng Việt “chất thải” được định nghĩa là “rác và các vật bị bỏ đi sau một quá trình sử dụng nói chung” hay theo Từ điển Môi trường Anh – Việt và Việt Anh thì “chất thải là bất kỳ chất gì, rắn, lỏng hoặc khí mà cơ thể

hoặc hệ thống sinh ra nó không còn sử dụng được nữa và cần có biện pháp thải bỏ”.

Thứ hai, dưới góc độ Luật học, Luận văn phân tích trên cơ sở khái niệm chất thải được nêu trong Công ước Basel, theo quy định của pháp luật một số quốc gia trên thế giới và theo quy định của Luật BVMT năm 2014 của Việt Nam.

Qua những phân tích, đánh giá về đặc điểm của chất thải, Luận văn xây dựng một khái niệm về chất thải theo quan điểm của tác giả: “chất thải là vật chất tồn tại dưới dạng rắn, lỏng, khí hoặc các dạng khác được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác hoặc phải từ bỏ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

1.1.2. Khái niệm rác thải

Luận văn đã xây dựng khái niệm rác thải trên cơ sở mối tương quan với khái niệm chất thải đã phân tích. Theo đó “rác thải là tổng hợp tất cả các loại chất thải được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động của con người”.

1.1.3. Khái niệm quản lý rác thải

Tác giả phân tích khái niệm quản lý rác thải đồng nghĩa với khái niệm quản lý chất thải tại Khoản 15, Điều 3 Luật BVMT năm 2014 trên cơ sở so sánh, đánh giá với khái niệm được ghi nhận trong Công ước Basel.

1.1.4. Khái niệm pháp luật quản lý rác thải

Gộp chung khái niệm “pháp luật” và “quản lý rác thải” Luận văn làm rõ khái niệm “Pháp luật quản lý rác thải là một bộ phận của pháp luật môi trường, bao gồm các quy phạm pháp luật, các

nguyên tắc pháp lý điều chỉnh những mối quan hệ phát sinh trong quá trình con người tiến hành các hoạt động làm phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại rác thải nhằm hạn chế phát thải, phòng ngừa, giảm thiểu những ảnh hưởng xấu của chúng, bảo vệ chất lượng môi trường sống của con người”.

1.1.5. Khái niệm thi hành pháp luật về quản lý rác thải

Gộp chung định nghĩa của khái niệm “quản lý rác thải” và “thi hành pháp luật”, Luận văn xây dựng khái niệm “Thi hành pháp luật về quản lý rác thải” là *“hoạt động của các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của mình về việc phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý rác thải theo đúng quy định của pháp luật”*.

1.2. Pháp luật quản lý rác thải và vai trò của pháp luật về quản lý rác thải

1.2.1. Các nguyên tắc đặc thù về pháp luật quản lý rác thải

- Nguyên tắc chi phí – lợi ích
- Nguyên tắc hạn chế phát thải
- Nguyên tắc kiểm soát tại nguồn
- Nguyên tắc phối hợp, hợp tác

1.2.2. Nội dung của pháp luật về quản lý rác thải

- Các quy định về chủ nguồn thải
- Các quy định về thu gom, vận chuyển rác thải
- Các quy định về lưu giữ rác thải
- Các quy định về chủ thể xử lý rác thải
- Các quy định về quản lý nhà nước liên quan tới việc quản lý rác thải.

1.2.3. Vai trò của pháp luật về quản lý rác thải

Thứ nhất, pháp luật quản lý chất thải là công cụ hữu hiệu để phòng ngừa ô nhiễm môi trường, góp phần đảm bảo quyền được sống trong một môi trường trong lành của con người.

Thứ hai, pháp luật quản lý chất thải tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển ngành công nghiệp môi trường, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước.

Thứ ba, pháp luật quản lý chất thải góp phần thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến để bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Thứ tư, pháp luật quản lý chất thải góp phần thay đổi và nâng cao nhận thức của cộng đồng theo hướng có lợi cho bảo vệ môi trường.

Chương 2

THỰC TRẠNG THI HÀNH PHÁP LUẬT QUẢN LÝ RÁC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

2.1. Giới thiệu khái quát tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Vĩnh Phúc nằm trong tọa độ địa lý có giới hạn từ 21°07' đến 21°35' vĩ độ Bắc và từ 105° 18' đến 105° 47' kinh độ Đông. Vĩnh Phúc còn là một trong 8 tỉnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; nằm ở cửa ngõ phía Tây của Thủ đô Hà Nội, bên rìa vùng châu thổ sông Hồng. Ngoài Hà Nội, Vĩnh Phúc còn giáp với các tỉnh trung du

phía Bắc là Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng như Hà Tây cũ (Hà Nội II). Từ vị trí này, có thể thấy Vĩnh Phúc là cầu nối giữa Thủ đô Hà Nội với các tỉnh trung du và miền núi Bắc Bộ. Với lợi thế nằm liền kề Hà Nội, tỉnh Vĩnh Phúc có những thuận lợi trong giao lưu, thông thương hàng hóa như ở gần kề các thị trường lớn của cả nước, không xa các trung tâm giao dịch và vận chuyển hàng hóa như Sân bay quốc tế Nội Bài, cảng Hải Phòng, các cảng đường sông trên sông Hồng.

2.1.1.2. Về địa hình

Địa hình tỉnh Vĩnh Phúc đa dạng với ba vùng đặc trưng là vùng núi cao ở phía đông bắc, vùng gò đồi bán sơn địa kế tiếp và vùng đồng bằng, vùng trũng ven sông ở phía nam và tây nam.

2.1.1.3. Khoáng sản

- Nhóm khoáng sản nhiên liệu
- Nhóm khoáng sản kim loại
- Nhóm khoáng sản phi kim loại
- Nhóm vật liệu xây dựng

2.1.1.4. Sông ngòi

Vĩnh Phúc có rất nhiều sông lớn chảy qua là sông Hồng, sông Lô, sông Phó Đáy, sông Cà Lồ và hàng chục sông nhánh có chiều dài trên 100 km.

2.1.1.5. Tài nguyên đất

Tài nguyên đất của tỉnh được xem là khá phong phú và đa dạng. Các loại đất đã được khai thác sử dụng lâu đời, khá thuận thực, có độ phì nhiêu khá màu mỡ thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp.

2.1.1.6. Tài nguyên rừng

Trong tổng 33.013, 67 ha đất lâm nghiệp của tỉnh có 10.879.07 ha rừng sản xuất, 6.697.37 ha rừng phòng hộ và rừng đặc dụng chiếm 15.473.23 ha. Rừng sản xuất nằm rải rác trong các huyện. Diện tích rừng sản xuất lớn nhất tại Tam Đảo và huyện Tam Dương. Rừng đặc dụng phân bố chủ yếu ở các huyện Tam Đảo, Bình Xuyên, Phúc Yên.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế tỉnh Vĩnh Phúc đang có sự chuyển dịch từ khu vực kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp. Minh chứng bằng tốc độ tăng trưởng và đóng góp ngày càng tăng của ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.1.2.2. Danh lam, thắng cảnh

Xuất phát từ những lợi thế về điều kiện tự nhiên, Vĩnh Phúc có rất nhiều danh lam, thắng cảnh nổi tiếng có khả năng khai thác và phát triển ngành du lịch.

2.1.2.3. Các lễ hội truyền thống

Hàng năm Vĩnh Phúc có tới hàng trăm lễ hội được tổ chức có thể khai thác, phục vụ mục đích phát triển du lịch.

- Lễ hội tín ngưỡng
- Lễ hội lịch sử
- Các sản phẩm thủ công truyền thống

2.1.2.4. Tài nguyên lao động

Theo niên giám thống kê của Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc năm 2012, Dân số trong độ tuổi lao động của tỉnh năm 2012 là

751,95 nghìn người, chiếm 62,8% tổng dân số. Lao động làm việc trong các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh năm 2006 gồm 668,45 nghìn người, chiếm tỷ lệ:

- Lao động nông - lâm - ngư nghiệp: 393, 96 nghìn người, chiếm tỷ lệ 58,9 %.

- Lao động công nghiệp - xây dựng: 122,77 nghìn người, chiếm tỷ lệ 18,4%.

- Lao động dịch vụ: 151,72 nghìn người, chiếm tỷ lệ 22,7%.

Hàng năm nguồn lao động mới được bổ sung là các thanh niên tốt nghiệp phổ thông, có sức khỏe, có kiến thức cơ bản khoảng 10.000 người. Nguồn lao động có văn hóa được bổ sung hàng năm là nguồn lực xã hội to lớn, thúc đẩy sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của tỉnh Vĩnh Phúc trong đó có ngành công nghiệp.

2.1.2.5. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông: Vĩnh Phúc có mạng lưới giao thông khá phát triển và phân bố đều khắp với 3 loại đường giao thông: đường sắt, đường bộ, đường sông.

- Điện: Trong những năm qua, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh cũng đã cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam có nhiều cố gắng trong việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Trong giai đoạn 1996 - 2003, sản lượng điện thương phẩm không ngừng tăng, tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm. Năm 2003, sản lượng điện thương phẩm đạt 377 triệu KWh, tăng gấp 19,04 lần so với năm 2002.

2.2. Pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và thực tiễn thi hành

2.2.1. Khái quát các quy định pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Xuất phát từ ý nghĩa và tầm ảnh hưởng của chất thải rắn sinh hoạt đối với môi trường và cuộc sống của con người, pháp luật môi trường Việt Nam đã luật hóa các quy định liên quan tới việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt vào Luật BVMT năm 2014 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành cũng như các văn bản pháp lý liên quan khác.

2.2.2. Nội dung các quy định của pháp luật quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

2.2.2.1. Chủ thể phát sinh rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

a. Quy định của pháp luật

Điều 66 Luật BVMT năm 2005 quy định “Tổ chức, cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải có trách nhiệm tái chế, tái sử dụng để hạn chế đến mức thấp nhất lượng chất thải phải tiêu hủy, thải bỏ”. Sửa đổi, bổ sung quy định nêu trên, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ quy định rõ “Chủ nguồn thải là các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở phát sinh chất thải” (Khoản 19, Điều 3). Quy định này đã khắc phục được những bất cập trong quá trình thi hành pháp luật về việc xác định ai mới là chủ nguồn thải theo quy định của Luật BVMT năm 2005.

b. Thực tiễn thi hành

* Nguồn phát sinh rác thải khu vực đô thị

- Rác thải từ các hộ gia đình, khu dân cư

- Rác thải từ hoạt động thương mại

* Nguồn phát sinh rác thải khu vực nông thôn, làng nghề

Nguồn rác thải ở khu vực nông thôn phát sinh chủ yếu từ các hộ gia đình với thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ (lá cây, rau cỏ). Khu vực làng nghề có thành phần rác thải chủ yếu là các chất hữu cơ, các loại vật liệu thừa, gỗ, đá vụn. Ngoài ra, còn có các loại giấy nylon, thủy tinh, chai lọ nhưng với lượng nhỏ.

* Nguồn phát sinh rác thải ở các khu, cụm công nghiệp, cụm phát triển kinh tế - xã hội

Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu từ các bếp ăn tập thể, quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong các công ty, với thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ, túi nylon, vỏ hộp... Các loại chất hữu cơ như cơm canh thừa từ các bữa ăn của công nhân được bán lại cho người chăn nuôi.

* Nguồn rác thải phát sinh ở các khu du lịch, nghỉ mát, khu danh lam, thắng cảnh

Nguồn phát sinh rác thải sinh hoạt tại các khu du lịch, khu nghỉ mát, khu danh lam thắng cảnh là từ các nhà hàng, khách sạn và một lượng nhỏ của khách du lịch, của người dân sống trong các khu vực lân cận. Rác thải tại các khu du lịch chủ yếu là các loại chai lọ, vỏ hộp, giấy nylon. Tất cả đều được thu nhặt lại để bán tái chế và đem đi xử lý.

* Nguồn phát sinh rác thải ở các khu vực khác (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính)

Nguồn phát sinh chất thải rắn của các trường học, bệnh viện chủ yếu là từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, học sinh, từ các

bếp ăn tập thể, các phòng học (đối với trường học) và từ các phòng bệnh nhân (đối với bệnh viện). Rác thải từ các trường học, bệnh viện chủ yếu là túi nilon, các loại vỏ hoa quả, cơm canh thừa...

2.2.2.2. Thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

a. Quy định của pháp luật

Luật BVMT năm 2005 không định nghĩa thế nào là chủ thu gom, vận chuyển chất thải nhưng Luật BVMT năm 2014 và Nghị định 38/2015/NĐ-CP lại đưa ra định nghĩa cụ thể về các chủ thể này đó là “Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định” (Khoản 22, Điều 3 Nghị định 38/2015/NĐ-CP).

b. Thực tiễn thi hành pháp luật

Hoạt động thu gom tại thành phố Vĩnh Yên được giao cho 2 đơn vị là Liên danh Công ty cổ phần đầu tư Quốc Bảo - Công ty cổ phần Dịch vụ môi trường Thăng Long (phụ trách thu gom trên địa bàn 4 phường, xã: Đồng Tâm, Hội Hợp, Tích Sơn, Định Trung) và Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên (thu gom trên địa bàn còn lại) thực hiện với tần suất thu gom 2 lần/ngày. Sau khi thu gom, rác thải được Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên xử lý bằng phương pháp chôn lấp tạm thời tại bãi rác Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên.

Tại thị xã Phúc Yên, việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải do Công ty Cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Vĩnh Yên thực hiện với tần suất thu gom 2 lần/ngày. Rác thải sau khi thu gom được chôn lấp tại bãi rác Đồng Lát, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên.

Đối với hầu hết các xã, thị trấn ở khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện đã có hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường hoặc tổ vệ sinh môi trường thực hiện việc thu gom và xử lý rác thải với tần suất khoảng 1- 3 lần/tuần. Tuy nhiên, do các tổ chức này mới được thành lập và thu nhập của người lao động vẫn thấp nên tần suất, phạm vi thu gom ở nhiều địa phương chưa đảm bảo, tỷ lệ rác được thu gom chưa cao và trung bình mới chỉ đạt khoảng 40 - 50%.

Kinh phí thu gom rác thải do các Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên, Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Phúc Yên (là các doanh nghiệp công ích chịu trách nhiệm chính trong khâu thu gom và vận chuyển chất thải rắn đến các khu xử lý) trực tiếp thu của các hộ dân là 1.500 đồng/người/tháng.

2.2.2.3. Lưu giữ, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

a. Quy định của pháp luật

Theo quy định của Nghị định 59/2007/NĐ-CP thì thời gian lưu giữ đối với chất thải rắn thông thường không quá 2 ngày (Điều 24). Tuy nhiên, Nghị định 38/2015/NĐ-CP lại không quy định thời gian lưu giữ đối với loại chất thải này. Nghị định chỉ dừng lại ở việc quy định việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại được lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp (Khoản 2, Điều 15).

b. Thực tiễn thi hành

Hầu hết các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc chưa có quy hoạch xây dựng hệ thống xử lý rác thải tập trung, hoặc có quy hoạch nhưng chưa triển khai thực tế. Hiện nay, do thiếu bãi tập kết, chôn lấp và xử lý chất thải trong các khu

công nghiệp nên diễn ra tình trạng các cơ sở sản xuất công nghiệp thuê các tổ chức, cá nhân không có chức năng, thu gom, vận chuyển chất thải đem đi đổ chui, không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

2.2.2.4. Chủ thể xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

a. Quy định của pháp luật

Khoản 23, Điều 3 Nghị định 38/2015/NĐ-CP định nghĩa “Chủ xử lý chất thải là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở xử lý chất thải”.

Việc quyết định lựa chọn cơ sở xử lý chất thải và mức giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

b. Thực tiễn thi hành pháp luật

Nhìn chung, trong những năm gần đây, công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được chú trọng và quan tâm hơn. Hoạt động thẩm định đã được duy trì theo hình thức họp hội đồng nên các chủ dự án đầu tư đã có ý thức, trách nhiệm hơn trong việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, đồng thời nâng cao chất lượng của các báo cáo đánh giá tác động môi trường sau thẩm định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiến hành kiểm tra và cấp giấy phép cho các cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Luật BVMT 2005 và Luật BVMT năm 2014. Đồng thời tiến hành thu phí vệ sinh đối với các hộ gia đình, cá nhân và chủ thể xả thải trên địa bàn tỉnh.

2.2.2.5. Cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

a. Quy định của pháp luật

Theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

b. Thực tiễn thi hành pháp luật

Có thể nói các quy định của Luật BVMT năm 2014 đã tạo hành lang pháp lý cho công tác triển khai thực hiện các công tác bảo vệ môi trường. Cụ thể hóa các quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã triệt để thực hiện nghiêm chỉnh quy định trên. Cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành thu gom, phân loại, xử lý chất thải sinh hoạt theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế do các yếu tố khách quan và chủ quan vẫn chưa thực sự thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các quy định của pháp luật.

Chương 3

**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH
PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ RÁC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

3.1. Định hướng nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Thứ nhất, cần tích cực tổ chức triển khai các quy định của pháp luật môi trường nói chung và pháp luật về quản lý rác thải nói riêng trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, hộ

gia đình, khu dân cư... có điều kiện thực thi các quy định của pháp luật trên thực tế.

Thứ hai, xây dựng và ban hành các quy định cụ thể về việc quản lý rác thải từ công tác thu gom, phân loại, vận chuyển đến xử lý rác thải phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước nói chung và địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng trên cơ sở phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, tổ chức triển khai nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật môi trường nói chung và pháp luật về quản lý rác thải nói riêng để tất cả người dân đều nắm được các quy định của pháp luật, từ đó có ý thức tuân thủ pháp luật một cách triệt để.

Thứ tư, đầu tư nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cũng như thu hút nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức tư nhân cũng như nguồn vốn đầu tư nước ngoài để xây dựng các nhà máy xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu về mặt khoa học, công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo hiệu quả tối đa cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

3.2. Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Thứ nhất, hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý chất thải và đặc biệt đó là quản lý rác thải sinh hoạt. Khi mà ý thức của người dân chưa cao thì vấn đề quản lý rác thải được quy định trong các văn bản pháp luật là một biện pháp hữu hiệu

giúp các cơ quan Nhà nước có thể kiểm soát chất thải một cách chặt chẽ và quy củ hơn.

Thứ hai, đầu tư, áp dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc quản lý rác thải

Thứ nhất, đối với chủ nguồn thải rác thải cần quy định một cách cụ thể hơn các nghĩa vụ mà chủ thể này phải chịu. Bên cạnh đó, có chế độ khen thưởng kịp thời khi họ phát hiện ra các hành vi vi phạm.

Thứ hai, đối với chủ thể phân loại, thu gom, vận chuyển rác thải. Ngoài quy định các nghĩa vụ phải được quy định một cách chặt chẽ hơn; đồng thời khi quy định nghĩa vụ cũng phải xét đến khía cạnh sự thiếu thống nhất của các phương tiện để họ thực hiện nhiệm vụ của mình...

3.2.3. Tiếp thu kinh nghiệm pháp luật của một số nước trên thế giới

Thứ nhất, các quốc gia triển khai phân cấp mạnh cho chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý chất thải.

Thứ hai, quy định về xuất nhập khẩu chất thải là một bộ phận của pháp luật về quản lý chất thải.

Thứ ba, các quốc gia đều chú trọng việc lồng ghép mục tiêu sản xuất sạch hơn trong hoạt động quản lý chất thải.

Thứ tư, xu hướng quy định trách nhiệm của nhà sản xuất đối với chất thải sản sinh sau khi người tiêu dùng sử dụng sản phẩm ngày càng được thể hiện rõ trong các quy định của các quốc gia. Xu

hướng này bắt đầu từ những quy định như ký quỹ thu hồi bao bì cho tới việc nhà sản xuất phải nhận lại sản phẩm đã sử dụng (chất thải sau khi sử dụng sản phẩm).

Thứ năm, để giảm thiểu chất thải sản sinh, một số quốc gia đã ban hành quy định đối với bao bì đóng gói sản phẩm.

3.2.4. Các giải pháp khác

3.2.4.1. Biện pháp về cơ chế chính sách

- Thành lập bộ máy quản lý môi trường, phối hợp với nhau để nắm vững được tình hình môi trường chung của thị trấn và theo dõi sát sao, hướng dẫn công nhân thu gom, nâng cao hiệu quả quản lý.

- Tăng ngân sách cho hoạt động tuyên truyền và bảo vệ môi trường, phải có quỹ môi trường để chi trả cho các hoạt động khuyến khích và giải quyết sự cố môi trường ngay tại địa phương.

- Công nhân trực tiếp làm việc thu gom rác phải được xếp ở ngành lao động độc hại; từ đó có chế độ tiền lương phù hợp và thêm phụ cấp độc hại, dụng cụ bảo hộ lao động phải được trang bị đầy đủ đảm bảo an toàn lao động.

- Phân đấu nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thu gom, vận chuyển, đạt tỷ lệ thu gom 100%.

3.2.4.2. Biện pháp tuyên truyền giáo dục

- Phổ biến cho người dân thế nào là rác thải hữu cơ, thế nào là rác thải vô cơ, tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về việc phân loại rác thải thông qua các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến những tác hại do rác thải gây ra cho môi trường và sức khỏe con người thông qua hệ thống thông tin của thôn như: báo, đài, tivi, áp phích tại địa phương...

- Tổ chức các hoạt động, chương trình, phong trào làm vệ sinh môi trường.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, trong nhà trường về vấn đề bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Đưa tiêu chí bảo vệ môi trường vào việc đánh giá gia đình văn hóa.

3.2.4.3. Nâng cao chất lượng các dụng cụ đựng chất thải rắn đối với hộ gia đình

Về vấn đề này chúng ta cần học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới, ví dụ: Ở CHLB Đức, tất cả các bang, các khu đô thị, dân cư đều có các cơ quan, công ty khuyến cáo tuyên truyền cho chương trình bảo vệ môi trường nói chung và đặc biệt là vấn đề thu gom, phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt nói riêng.

3.2.4.4. Biện pháp công nghệ

Từng bước hiện đại hóa công nghệ kỹ thuật, lựa chọn sử dụng những công nghệ phù hợp với điều kiện cũng như tài chính của nước ta; Cải thiện, đổi mới các thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải; Nghiên cứu và đưa vào ứng dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn nhất định phù hợp trong việc lựa chọn công nghệ xử lý. Đồng thời cần chú trọng, khuyến khích việc áp dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ mới có thể giảm thiểu số lượng rác thải phải loại bỏ như: nguyên liệu và năng lượng sử dụng, thay đổi công thức sản xuất... để giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn; áp dụng công nghệ sạch; đưa vào áp dụng công nghệ có thể tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải.

KẾT LUẬN

Song song với phát triển kinh tế luôn đi kèm với các vấn đề môi trường được đặt ra. Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, Vĩnh Phúc đang là một trong những tỉnh có tỉ lệ thu hút vốn đầu tư trong nước cũng như nước ngoài rất lớn. Từ đó kinh tế của tỉnh ngày càng phát triển. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển về mặt kinh tế, xã hội thì tình trạng ô nhiễm môi trường do các chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, sinh hoạt, quá trình đô thị hóa... gây ra cũng ngày một gia tăng.

Trước tình trạng xuất hiện ngày càng nhiều của các bãi rác không được cấp phép, cách thức xử lý rác thải chưa đúng quy định của pháp luật, sự thiếu hụt về khoa học, công nghệ để xử lý triệt để các loại rác thải phát sinh trên địa bàn tỉnh đang là một vấn đề hết sức nhức nhối trong cộng đồng dân cư, cần được các cơ quan chức năng nghiêm túc xem xét và giải quyết triệt để để bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống của người dân cũng như đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Xuất phát từ những nguyên nhân đó, với việc lựa chọn đề tài *“Thi hành pháp luật quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”*, qua các phân tích, đánh giá và các số liệu thực tiễn và những đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả thi hành các quy định của pháp luật về quản lý rác thải, tác giả hi vọng có thể đóng góp phần nào vào việc nâng cao hiệu quả phân loại, thu gom và xử lý rác thải nói riêng cũng như việc quản lý chất thải nói chung trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.